

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Building a better
working world

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 45

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 5 tháng 1 năm 2011 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty được hình thành từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hoạt động kinh doanh đã đăng ký của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng, thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật; tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; sản xuất vật liệu xây dựng; kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi; và sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đức Hiên	Chủ tịch	
Ông Lê Quý Định	Thành viên	
Ông Đoàn Hữu Thuận	Thành viên	
Ông Lê Tấn Phước	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Ông Lê Văn Hậu	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Ông Lê Văn Tài	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hường	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Bà Lê Thị Cẩm	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	
Ông Lê Viết Liên	Thành viên	từ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quý Định.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60729681/17182188-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 liên quan đến việc ghi nhận giá trị lợi thế vị trí địa lý.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán:
0048-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán:
1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Điều chỉnh lại – Thuyết minh số 36)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		385.172.359.404	385.431.206.140
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	143.997.765.035	59.729.231.903
111	1. Tiền		93.551.315.538	14.788.951.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.446.449.497	44.940.280.062
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		148.277.840.368	204.764.974.968
131	1. Phải thu khách hàng	5	169.181.355.397	208.519.857.182
132	2. Trả trước cho người bán	6	4.291.590.421	4.003.360.721
135	3. Các khoản phải thu khác	7	7.132.762.965	8.074.414.104
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(32.327.868.415)	(15.832.657.039)
140	III. Hàng tồn kho	8	82.793.476.678	111.674.663.593
141	1. Hàng tồn kho		83.080.629.007	111.792.792.526
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(287.152.329)	(118.128.933)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		10.103.277.323	9.262.335.676
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		619.931.973	209.227.560
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.904.020.463	338.553.298
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	7.217.485.088	7.724.959.311
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		361.839.799	989.595.507
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		276.558.432.770	269.261.107.560
210	I. Phải thu dài hạn		-	202.082.834
211	1. Phải thu dài hạn khách hàng		-	202.082.834
220	II. Tài sản cố định		128.647.611.741	120.124.485.858
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	117.256.300.659	107.117.051.988
222	Nguyên giá		229.352.924.622	212.102.343.609
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(112.096.623.963)	(104.985.291.621)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.762.587.355	590.151.025
228	Nguyên giá		3.369.278.693	609.822.727
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(606.691.338)	(19.671.702)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	8.628.723.727	12.417.282.845
240	III. Bất động sản đầu tư	13	48.558.966.156	51.466.084.255
241	1. Nguyên giá		60.345.211.948	60.203.704.948
242	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.786.245.792)	(8.737.620.693)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	57.401.818.782	57.044.363.339
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		56.279.245.092	55.921.789.649
258	2. Đầu tư dài hạn khác		1.122.573.690	1.122.573.690
260	V. Tài sản dài hạn khác		41.950.036.091	40.424.091.274
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	41.683.134.364	40.184.789.620
268	2. Tài sản dài hạn khác		266.901.727	239.301.654
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		661.730.792.174	654.692.313.700

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Điều chỉnh lại – Thuyết minh số 36)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		442.827.451.120	447.425.496.353
310	I. Nợ ngắn hạn		271.041.707.405	350.295.716.321
311	1. Vay ngắn hạn	16	39.075.638.696	98.134.243.092
312	2. Phải trả người bán	17	105.113.432.697	124.260.307.282
313	3. Người mua trả tiền trước		30.306.838.479	60.473.115.251
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	10.374.259.090	12.436.662.782
315	5. Phải trả người lao động		22.894.349.736	23.204.705.150
316	6. Chi phí phải trả		449.985.576	500.422.076
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	59.884.725.366	16.693.848.022
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.942.477.765	14.592.412.666
330	II. Nợ dài hạn		171.785.743.715	97.129.780.032
333	1. Phải trả dài hạn khác	20	118.273.349.416	35.180.555.398
334	2. Vay và nợ dài hạn	21	6.932.627.840	10.884.506.640
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	3.068.057.653	2.825.838.579
337	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	22.363.330.991	27.189.498.575
338	5. Doanh thu chưa thực hiện	23	21.148.377.815	21.049.380.840
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	201.603.803.619	185.640.249.376
410	I. Vốn chủ sở hữu		201.603.803.619	185.640.249.376
411	1. Vốn cổ phần		126.000.000.000	126.000.000.000
413	2. Vốn khác của chủ sở hữu khác		7.070.000.000	742.000.000
417	3. Quỹ đầu tư và phát triển		2.661.219.826	7.397.405.400
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.795.315.581	1.798.101.941
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		63.077.268.212	49.702.742.035
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	25	17.299.537.435	21.626.567.971
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		661.730.792.174	654.692.313.700

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	507.834.700	441.039.700
2. Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	1.098	188
- Euro (EUR)		51

Lê Thị Khánh Vân
Người lập biểu

Lê Văn Tài
Kế toán trưởng

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại – Thuyết minh số 36)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	551.668.029.042	597.015.290.856
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(925.824.477)	(975.472.386)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	550.742.204.565	596.039.818.470
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(466.190.970.701)	(539.017.371.429)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.551.233.864	57.022.447.041
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	6.306.535.400	3.476.711.890
22	7. Chi phí tài chính	27	(5.063.364.719)	(6.834.618.408)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.980.822.095)	(6.833.420.979)
24	8. Chi phí bán hàng		(5.496.343.485)	(6.460.754.072)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(54.830.127.313)	(34.413.619.572)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.467.933.747	12.790.166.879
31	11. Thu nhập khác	28	8.553.925.088	6.486.144.529
32	12. Chi phí khác	28	(1.746.841.698)	(1.555.369.588)
40	13. Lợi nhuận khác	28	6.807.083.390	4.930.774.941
45	14. Phần lợi nhuận từ các công ty liên kết		7.818.946.597	10.258.302.335
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		40.093.963.734	27.979.244.155
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(5.761.387.911)	(4.494.866.635)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.2	(242.219.074)	(1.762.268.704)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		34.090.356.749	21.722.108.816
61	Trong đó: 18.1. Phần thuộc các cổ đông thiểu số		(2.517.467.431)	(2.607.918.195)
62	18.2. Phần thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		36.607.824.180	24.330.027.011
70	19. Lãi trên cổ phiếu			
	Lãi cơ bản	24.5	2.905	1.931
	Lãi suy giảm	24.5	2.905	1.931

Lê Thị Khánh Vân
Người lập biểu

Lê Văn Tài
Kế toán trưởng

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		592.758.865.608	610.933.527.881
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(378.228.671.363)	(369.617.786.885)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(92.551.207.399)	(106.893.821.289)
04	Tiền chi trả lãi vay		(5.046.425.895)	(6.950.297.078)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	30.1	(5.323.729.225)	(5.978.675.947)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		177.163.289.441	125.167.653.592
07	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(144.345.288.575)	(272.784.570.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		144.426.832.592	(26.123.969.726)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.210.307.405)	(4.541.866.202)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	28	212.818.182	952.145.663
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.083.333.000)	(2.100.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.242.949.339	-
27	Tiền lãi và lợi nhuận được chia		7.001.585.000	10.369.547.482
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.163.712.116	4.679.826.943
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay đã nhận		85.764.104.388	228.732.743.626
34	Tiền chi trả nợ vay		(138.836.150.964)	(185.225.801.640)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ	24.4	(13.079.217.000)	(4.826.716.000)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số		(170.748.000)	(896.085.814)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(66.322.011.576)	37.784.140.172

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP) (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		84.268.533.132	16.339.997.389
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		59.729.231.903	43.389.153.019
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	81.495
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	143.997.765.035	59.729.231.903

Lê Thị Khánh Vân
Người lập biểu

Lê Văn Tài
Kế toán trưởng

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015